

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS - ST

Ngày 04/01/2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Hiệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Ton và bà Lê Thị Thanh Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Huệ; Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 189/2017/HSST, ngày 09 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2017/QĐXXST- HS ngày 05/12/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2017/HSST- QĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tô Ích B; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 27/01/1973, tại thành phố P, tỉnh N; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 21, khu 2A, phường P, thành phố P, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân Công ty cổ phần than S; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tô Đạo M, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1944; có vợ là Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1976 và 01 con sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại nơi cư trú, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Họ và tên: Đào Ngọc H; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 18/8/1984, tại thành phố P, tỉnh N; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 40, khu 3, phường P, thành phố P, tỉnh N; nghề nghiệp: Nguyên làm công nhân Công ty than S; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Ngọc M, sinh năm 1940 (Đã chết) và bà: Hoàng Thị G, sinh năm 1946; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 05/8/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N, có mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Thu V; Sinh năm: 1976; Nơi đăng ký HKTT tại: Tổ 21, khu 2A, phường P, thành phố P, tỉnh N, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04/8/2017, tại tổ 21, khu 2A, phường P, thành phố P, tỉnh N, Tô Ích B có hành vi bán trái phép 2,35gam chất ma túy loại Methamphetamine, với giá 3.000.000đồng cho Đào Ngọc H. Ngay sau đó, Đào Ngọc H có hành vi cất giấu trái phép số ma túy trên với mục đích để sử dụng, thì bị Công an phát hiện, bắt giữ.

Vật chứng thu của H là một gói giấy vệ sinh bên trong có một túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng và một điện thoại di động Iphone màu đen; Thu của B một điện thoại Nokia 1202 và 70.000đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 533/GĐMT ngày 07/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, xác định: Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Đào Ngọc H là chất ma túy loại Methamphetamine, trọng lượng 2,35gam, hoàn lại 2,19gam Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đào Ngọc H khai nhận: H với D là bạn bè ngoài xã hội. Khoảng 20 giờ ngày 04/8/2017, D nhờ H mua hộ 3.000.000 đồng ma túy đá để sử dụng, H đồng ý và điện thoại cho B hỏi mua 3.000.000 đồng ma túy đá, B đồng ý và hẹn H đến nhà. Sau đó, H điện thoại bảo D đưa thêm 70.000 đồng để đi xe ôm, D đã đưa cho H 3.070.000 đồng. Sau đó, H đi bộ đến nhà B, H đưa cho B 3.070.000 đồng, rồi B lấy xe đạp điện đi đâu khoảng 20 phút về đưa cho H gói ma túy đá. H xin B cho H một đoạn giấy vệ sinh để gói số ma túy trên, rồi H đi về. Trên đường về, H điện thoại cho V hỏi “có nhà không tý em qua ngồi nhờ” và điện thoại cho D bảo ra cổng trường tiểu học Võ Thị S để H đưa ma túy. H đi qua thấy cổng nhà V mở nên tự vào để gói ma túy đá xuống đất sát mép vườn cách trụ cổng khoảng 01mét rồi đi về phía trường Võ Thị S để gọi D thì gặp Công an. Biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên H đã dẫn Công an đến vị trí cất giấu ma túy rồi tự nguyện nhặt ma túy lên giao nộp cho Công an. Ngoài ra Công an còn thu giữ của H một điện

thoại di động Iphone 4 màu đen. Mục đích H mua ma túy hộ D là để được cùng D sử dụng, không vì mục đích lợi nhuận. Bị cáo H thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố, Tòa án xét xử hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là đúng người đúng tội không oan.

Bị cáo Tô Ích B tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện: Do bị cáo bị ung thư tụy, gan, dạ dày giai đoạn cuối, cơ thể đau yếu không thể đi lại nên xin vắng mặt tại phiên tòa và khẳng định lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là hoàn toàn đúng sự thật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu V tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa có lời khai thể hiện: V là vợ của bị cáo B, còn H là hàng xóm. V biết B sử dụng ma túy để giảm cơn đau do bị ung thư giai đoạn cuối nhưng không biết và không tham gia vào việc mua bán ma túy. Chiếc điện thoại Nokia 1202 mà Công an thu giữ là của V, V không biết việc B liên lạc và mua bán ma túy với H.

Người làm chứng anh Trần Quang V và anh Trịnh Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai thể hiện được chứng kiến Công an phát hiện thu giữ ma túy của H. Ngày 04/8/2017 H điện thoại cho V chỉ hỏi có nhà không để vào ngồi nhờ không trao đổi gì liên quan đến ma túy và V không biết việc H cất giấu ma túy trong vườn nhà mình.

Tại bản cáo trạng số 196/KSĐT - HS, ngày 07/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Tô Ích B tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Đào Ngọc H tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên trình bày luận tội đưa ra các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Tô Ích B từ 24 tháng đến 27 tháng tù; Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 41/2017/NQ - HĐTP ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo Đào Ngọc H từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Đối với: - Người tên D đã đưa tiền cho Đào Ngọc H để mua ma túy; Người thanh niên đã bán ma túy cho Tô Ích B, do không xác định được lai lịch nên không đủ cơ sở làm rõ.

- Anh Trần Quang V không biết việc Đào Ngọc H cất giấu ma túy tại nhà mình, nên không đề cập xử lý.

Tại phần tranh luận, bị cáo H không tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Đào Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, khẳng định việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Tô Ích B tuy vắng mặt nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra và trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa khẳng định lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là hoàn toàn đúng sự thật khách quan nội dung vụ án. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa như: Biên bản khám xét; biên bản bắt người; biên bản kiểm tra tạm giữ đồ vật tài liệu; biên bản đối chất; biên bản kiểm tra điện thoại; biên bản xác minh xác định địa điểm nhà T - B; biên bản xác định tình trạng sức khỏe và giao Tô Ích B cho gia đình; bản kết luận giám định số: 533/GĐMT ngày 07/8/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N; Bản luận tội của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa. Với các chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/8/2017, tại tổ 21, khu 2A, phường P, thành phố P, tỉnh N, Tô Ích B có hành vi bán trái phép 2,35gam chất ma túy loại Methamphetamine, với giá

3.000.000đồng cho Đào Ngọc H. Đào Ngọc H có hành vi tàng trữ trái phép 2,35gam ma túy Methamphetamine mục đích để sử dụng, thì bị Công an phát hiện, bắt giữ. Các bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu được tác hại của ma túy và sự nghiêm cấm của pháp luật đối với hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và làm gia tăng các loại tội phạm khác. Hành vi phạm tội của bị cáo Tô Ích B đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, hành vi phạm tội của bị cáo Đào Ngọc H đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo là những đối tượng nghiện ma túy, phạm tội lần đầu và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo độc lập với nhau, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ nên không áp dụng các điều luật quy định về đồng phạm với các bị cáo. Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo H, Hội đồng xét xử thấy quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 khung hình phạt tù đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhẹ hơn khung hình phạt tù tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nên căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, để xem xét quyết định hình phạt theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo H.

[5] Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nhưng các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo B còn mắc bệnh ung thư nên không áp dụng.

[7] Về vật chứng: Số ma túy 2,35gam Methamphetamine, hoàn lại sau giám định còn lại 2,19gam, là vật cấm lưu hành và 01 đoạn giấy vệ sinh màu trắng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; Số tiền 70.000đ thu giữ của bị cáo B, quá trình điều tra xác định do phạm tội mà có; 01 Điện thoại Iphone 4 màu đen, thu giữ của bị cáo H đã sử dụng vào việc mua bán ma túy nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 Chiếc điện thoại Nokia 1202 vỏ màu xanh, thu giữ tại nhà B, quá trình điều tra xác định là của Nguyễn Thị Thu V. V không biết và không tham gia vào việc mua bán ma túy với B nên trả lại cho V.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Tô Ích B phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo Đào Ngọc H phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Tô Ích B 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Đào Ngọc H 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 05 tháng 8 năm 2017.

Áp dụng: Điểm a, b, c, khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, Model: A1332 EMC 380B FCC ID: BCG - E2380B IC: 579C- E2380, kèm 01 sim;

Tịch thu tiêu hủy: 01(một) Phong bì còn nguyên dấu niêm phong số: 533/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, bên trong chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định và 01(một) đoạn giấy vệ sinh màu trắng;

Trả chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1976, trú tại: Tổ 21, khu 2A, phường P, thành phố P, tỉnh N 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, Model: 1202, kèm 01 sim, không kèm pin.

(Tình trạng vật chứng được thi hành theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 41/BB- THA, ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Tô Ích B, Đào Ngọc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo B vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thành phố P;
- VKSND tỉnh N;
- Công an thành phố P;
- Trại tạm giam Công an tỉnh N;
- TAND tỉnh N;
- Chi cục THADS thành phố P
- Lưu hồ sơ vụ án- Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Trọng Hiệp**

